

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

-Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

-Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 7;

-Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 14/LILAMA7/BB-ĐHĐCĐTN, ngày 24 tháng 04 năm 2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026.

a. Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 .

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Kê hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | %TH /KH 2025 | %TH 2025/2024 |
|----|-------------------------------|-------------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Tr đồng | 30.000 | 13.260 | 44,22 | 30,81 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | 0 | (32.300) | - | 158,47 |
| 3 | Vốn điều lệ | Tr đồng | 50.000 | 50.000 | 100,00 | 100,00 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ | % | 0 | (66,60) | - | - |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu | % | 0 | (251,20) | - | - |
| 6 | Nộp ngân sách | Tr đồng | 1.500 | 1.420 | 94,53 | 68,00 |
| 7 | Chia cổ tức | % | 0 | 0 | - | - |
| 8 | Đầu tư TSCĐ & PTTB | Tr đồng | 0 | 0 | - | - |

b. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2026 | KH 2026/ TH 2025 (%) |
|-----|-----------------------------------|-------------|----------------|---------------|----------------------|
| 1 | Doanh thu và thu nhập khác | Tr đồng | 13.260 | 87.460 | 659,30 |
| 1.1 | Doanh thu từ hoạt động SXKD chính | Tr đồng | 10.030 | 30.000 | |

| | | | | | |
|-----|------------------------------------|---------|----------|--------|----------|
| 1.2 | Thu nhập khác từ việc bán tài sản | Tr đồng | 3.230 | 57.460 | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đồng | (32.300) | 52.900 | (163,64) |
| 2.1 | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính | Tr đồng | (35.200) | 500 | |
| 2.2 | Lợi nhuận khác từ việc bán tài sản | Tr đồng | 2.900 | 52.400 | |
| 3 | Vốn điều lệ | Tr đồng | 50.000 | 50.000 | 100,00 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr đồng | 1.420 | 1.500 | 105,80 |
| 5 | Chia cổ tức | % | 0 | 0 | - |
| 6 | Đầu tư TSCĐ & PTTB | Tr đồng | 0 | 0 | - |

Điều 2: Thông qua phê duyệt báo cáo Tài chính đã Kiểm toán năm 2025.

Điều 3: Thông qua phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

- Tổng vốn điều lệ : 50.000 triệu đồng
- Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ năm 2025 : 0% / năm
- Tổng giá trị cổ tức dự kiến phải trả năm 2025 : 0 triệu đồng
- Dự thảo phương án chia cổ tức như sau : 0%

| TT | Nội dung | Cách tính | Số tiền (đồng) |
|-----|--|----------------------|-------------------|
| 1 | Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025 | | (32.328.969.628) |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp năm 2025 | | 0 |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 | | (32.328.969.628) |
| 4 | Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế | | 0 |
| 5 | Tổng lợi nhuận được phân phối năm 2025 | | (32.328.969.628) |
| 6 | Phân phối lợi nhuận | | 0 |
| 6.1 | Trích lập quỹ đầu tư phát triển | | 0 |
| 6.2 | Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 0 |
| 6.3 | Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | | 0 |
| 7 | Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối | (7)=(5)-(6) | (32.328.969.628) |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước chuyển sang | | (97.210.830.909) |
| 9 | Tổng lợi nhuận còn lại | (9)=(7)+(8) | (129.539.800.537) |
| 10 | Trả cổ tức | | 0 |
| 11 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025 | (11)=(9)-(10) | (129.539.800.537) |

Điều 4: Thông qua phê duyệt báo cáo của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính đã Kiểm toán năm 2025 và công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc trong năm 2025.

Điều 5: Thông qua phê duyệt uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho phép Hội đồng quản trị lựa chọn 01 Công ty kiểm toán được phép Kiểm toán BCTC Tài chính của Công ty trong năm 2026.

Uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama7 thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng Kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn phải nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị niêm yết năm 2026, do Uỷ ban chứng khoán Nhà nước công bố và là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tư vấn tài chính với chi phí hợp lý, tiết kiệm.

Điều 6: Thông qua báo cáo tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao của các thành viên kiêm nhiệm HĐQT, BKS & thư ký HĐQT năm 2025 & Kế hoạch tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao các thành viên kiêm nhiệm HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2026.

1.Thù lao của thành viên HĐQT & Ban kiểm soát - Tiền lương của Chủ tịch HĐQT & Trưởng ban Kiểm soát năm 2025

1.1 Tiền lương & Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2025:

| T T | Thành phần | Chức vụ | Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng | | | Tiền lương BQ đồng/người/tháng | | |
|--------|---|------------------|---|-----------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------|------------|
| | | | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | %TH /KH | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | %TH /KH |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | Chủ tịch HĐQT | - | - | - | 14.156.100 | 14.156.100 | 100 |
| 2 | Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (03 người) | TV.HĐQT | 3.307.500 | 2.686.400 | 81,20 | - | - | - |

1.2 Tiền lương Trưởng BKS và Thù lao thành viên BKS & thư ký HĐQT năm 2025

| T T | Thành phần | Chức vụ | Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng | | | Tiền lương BQ đồng/người/tháng | | |
|--------|--|----------------------------|---|--------------------------|------------|-----------------------------------|-----------------------|------------|
| | | | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | %TH /KH | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | %TH /KH |
| 1 | Phạm Văn Tạo | Trưởng BKS | - | - | - | 11.025.000 | 10.582.529 | 96,00 |
| 2 | 02 thành viên BKS & 01 thư ký HĐQT (03 người) | TV.BK S & TKHĐ QT | 2.469.600 | 2.263.800 | 91,70 | - | - | - |

- Tổng tiền lương HĐQT & BKS trong năm 2025 là: **296.863.548 đồng/năm**
- Tổng thù lao HĐQT & BKS trong năm 2025 là: **188.129.300 đồng/năm**

2. Kế hoạch tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trưởng Ban kiểm soát và thù lao Tổng giám đốc, các thành viên kiêm nhiệm năm 2026 cụ thể:

2.1) Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị & Trưởng ban Kiểm soát năm 2026.

- Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị trong năm 2026 đề nghị lương cao nhất 22.200.000 đồng/ tháng (Hai mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng/tháng).
- Lương Trưởng ban kiểm soát trong năm 2026 đề nghị là:
16.000.000 đồng/ tháng (Mười sáu triệu đồng/tháng).

2.2) Mức thù lao hàng tháng đối với từng chức danh, thành viên HĐQT, thành viên BKS và thư ký HĐQT đề nghị được giữ nguyên hệ số đã phê duyệt tại Đại hội TN năm 2025 và áp dụng mức lương tối thiểu vùng hiện hành năm 2026 theo quy định.

- Thành viên Hội đồng quản trị hệ số = 0,75 x Mức lương tối thiểu vùng.

$$= 0,75 \times 4.730.000 = \mathbf{3.547.500}$$

đồng/người/tháng.

- Thành viên của Ban kiểm soát & Thư ký HĐQT hệ số

$$= 0,56 \times \text{Mức lương tối thiểu vùng.}$$

$$= 0,56 \times 4.730.000 = \mathbf{2.648.800}$$

đồng/người/tháng.

2.3) Bảng tổng hợp kế hoạch tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát dự kiến trong năm 2026.

Hội đồng quản trị.

| T T | Thành phần | Chức vụ | Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng | | | Tiền lương BQ đồng/người/tháng | | |
|--------|---------------------------------------|----------|---|-------------------|------------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------|
| | | | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | %KH 2026/TH 2025 | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | %KH 2026/TH2025 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | - | - | - | - | 14.156.100 | 22.200.000 | 156,82 |
| 2 | Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (03 người) | TV. HĐQT | 2.263.800 | 3.547.500 | 156,70 | - | - | - |

Ban kiểm soát :

| T T | Thành phần | Chức vụ | Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng | | | Tiền lương BQ đồng/người/tháng | | |
|--------|------------|---------|---|-------------------|------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| | | | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | %KH 2026/TH 2025 | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | %KH 2026/TH2025 |

| | | | | | | | | |
|---|---|-------------------------|-----------|-----------|--------|------------|------------|--------|
| 1 | Trưởng BKS | Trưởng BKS | - | - | - | 10.582.529 | 16.000.000 | 146,45 |
| 2 | 02 thành viên BKS & 01 thư ký HĐQT (03 người) | TV.BK S & TK HĐQT | 2.263.800 | 2.648.800 | 117,00 | - | - | - |

-Dự kiến tổng tiền lương Chủ tịch HĐQT & BKS trong năm 2026 là: **458.400.000 đồng/năm.**

-Dự kiến tổng thù lao HĐQT & BKS trong năm 2026 là:

223.066.800 đồng/năm.

Điều 7: Thông qua việc phê duyệt “Sửa đổi Điều Lệ của Công ty cổ phần Lilama 7 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026”. *Cụ thể: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama 7, từ địa chỉ số: 332- Đường 2/9- phường Hoà Cường. Thành phố Đà Nẵng thành địa chỉ : Lô D - Đường số 3, KCN Liên Chiểu, phường Hải Vân - thành phố Đà Nẵng.*

Điều 8: Thông qua việc phê duyệt “Uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên BCTC gần nhất”.

Điều 09: Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Cổ đông của Công ty cổ phần Lilama 7, chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu HĐQT;

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tô Minh Thúy